

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/HS-PT
Ngày 30-10-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Đặng Minh N và 38 bị cáo do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2023/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đặng Minh N (Tùng E), sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 11/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn G (chết) và bà Đặng Thị V, sinh năm 1971; vợ: Cao Thị Trúc P, sinh năm 1993 (đã ly hôn); con: có 01 người con, sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06/3/2023; có mặt.

2. Nguyễn Minh T, sinh năm 1986 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số C, ấp B, xã P, thành phố B, Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1965; vợ: Nguyễn Thị Thùy P1, sinh năm 1982; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, thay

đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

3. Nguyễn Thành N1, sinh năm 1997 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Số B, đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước T1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06/3/2023; có mặt.

4. Lê Quốc B, sinh năm 2002 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 8/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị T3 (chết); cha: không rõ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06/3/2023; có mặt.

5. Phạm Hồ Huy C1, sinh năm 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: tiếp thị; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1958 và bà Hồ Thị Minh T4, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06/3/2023; có mặt.

6. Võ Văn B1, sinh năm 1978 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Tổ C, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; trình độ học vấn: lớp 7/12; nghề nghiệp: công nhân; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T5 (chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1940; vợ: Hà Thị Kim P2, sinh năm 1985 (đã ly hôn); con: có 02 người con, sinh năm 2007, sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 18/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 15.000.000 đồng về “Tội đánh bạc”, chấp hành án xong vào ngày 06/9/2012; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/9/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 18/01/2023; có mặt.

7. Nguyễn Trung N2, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số D, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 6/12; nghề nghiệp: tài xế; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung G1 (chết) và bà Lê Thị P3, sinh năm 1963; vợ: Lê Thị C2 (đã ly hôn); con: có 02 người con, lớn sinh năm 2008 và nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 12/02/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre xử phạt 36 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành

xong hình phạt ngày 22/3/2009; ngày 29/10/2012, bị Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 24 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/5/2014; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 18/01/2023; có mặt.

8. Nguyễn Hoàng N3, sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Tổ C, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 (không rõ năm sinh và nơi cư trú) và bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 18/01/2023; có mặt.

9. Nguyễn Ngọc G2, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1951; vợ: Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1990; con: có 01 người con, sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 17/8/2017, bị Công an huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”, đã nộp phạt xong; ngày 22-02-2023, bị Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 60.000.000 đồng về “Tội đánh bạc”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

10. Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; trình độ học vấn: lớp 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1954 và bà Bùi Kim P4 (chết); sống chung như vợ chồng với Lê Văn H4 (chưa đăng ký kết hôn); con: có 02 người con, sinh năm 2010 và năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

11. Võ Văn H5, sinh năm 1966 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B, Khu phố B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 02/12; nghề nghiệp: buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C3 (chết) và bà Nguyễn Thị Q (chết); vợ: Trần Thị Phương N4, sinh năm 1975; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

12. Hà Thị Kim P5, sinh năm 1983 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Số B, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Bất

N5 (chết) và bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1960; chồng: Võ Ánh Đ1, sinh năm 1977; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ ngày 11/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

13. Nguyễn Thị N6, sinh năm 1979 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số C, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 4/12; nghề nghiệp: làm vườn; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1952 và bà Lê Thị H6, sinh năm 1955; chồng: Nguyễn Văn T8, sinh năm 1975; con: có 02 người con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 25/10/2022; có mặt.

14. Bùi Thanh H7, sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số C, khu phố B, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Bùi Thị Thúy L1, sinh năm 1973; cha: không rõ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ ngày 11/8/2022, thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022, bị bắt tạm giam từ ngày 24/7/2023; có mặt.

15. Võ Kim H8, sinh năm 1977 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 3/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh H9 (chết) và bà Trần Thị K, sinh năm 1959; chồng: Nguyễn Ngọc B3 (đã ly hôn); con: có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: ngày 01-7-2022, bị Trưởng Công an xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”, nộp phạt cùng ngày; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

16. Võ Thị T9, sinh năm 1993 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; trình độ học vấn: lớp 7/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ2 (chết) và bà Nguyễn Thị Huỳnh Đ3, sinh năm 1964; chồng: Phạm Thanh G3, sinh năm 1993; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: ngày 19/11/2021, bị Trưởng Công an xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”, nộp phạt ngày 25/11/2021; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

17. Lê Thị Ngọc T10 (T11), sinh năm 1979 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T,

xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 3/12; nghề nghiệp: mua bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C4 (chết) và bà Lê Thị Ngọc H10; chồng: Lý Phúc H11 (đã ly hôn); con: có 02 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

18. Trần Thị Ngọc B4, sinh năm 1987 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; trình độ học vấn: lớp 02/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H12, sinh năm 1958 và bà Huỳnh Thị G4, sinh năm 1960; chồng: Huỳnh Văn C5, sinh năm 1975; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 13/8/2015, bị Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”, nộp phạt xong; ngày 25/5/2018, bị Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”, nộp phạt xong; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

19. Phan Thị L2, sinh năm 1969 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; trình độ học vấn: lớp không biết chữ; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H13 (chết) và bà Nguyễn Thị L3 (chết); chồng: Nguyễn Việt H14 (đã ly hôn); con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

20. Nguyễn Thị T12, sinh năm 1973 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số D, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 5/12; nghề nghiệp: buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T13, sinh năm 1931 và bà Nguyễn Thị S (đã chết); chồng: Nguyễn Văn N7, sinh năm 1975; con: có 02 người con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

21. Trần Thị Ngọc H15, sinh năm 1997 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T14 (chết) và bà Trần Thị D1, sinh năm 1967; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 04/3/2021, bị Công an huyện C, tỉnh

Tiền Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, nộp phạt ngày 09/4/2021; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

22. Dương Thanh L4, sinh năm 1975 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Hoàng Â, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị Kim N8 (chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

23. Thạch Thị Thanh T15, sinh năm 1988 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Khome; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch B5, sinh năm 1964 và bà Kim Thị T16, sinh năm 1964; chồng: Võ Văn G5, sinh năm 1987; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

24. Nguyễn Thị Thu H16, sinh năm 1965 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: nội trợ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H17 (chết) và bà Nguyễn Thị M1 (chết); chồng: Nguyễn Quốc T17 (chết); con: có 02 người con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1994; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

25. Võ Thị Bé T18, sinh năm 1974 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; trình độ học vấn: lớp 8/12; nghề nghiệp: bán vé số; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Q1 (chết); họ tên mẹ: không rõ; chồng: Phạm Văn C6, sinh năm 1969; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

26. Dương Ngọc H18, sinh năm 1978 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; trình độ học vấn: lớp 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M2 (chết) và bà Võ Thị X (chết); bị cáo không có chồng; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn

bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

27. Nguyễn Thị Thanh T19, sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số D, ấp T, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn O (chết) và bà Nguyễn Thị N9, sinh năm 1943; chồng: Huỳnh Bảo Q2, sinh năm 1983; bị cáo chưa có con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

28. Nguyễn Thị Thanh L5 (H16), sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số H, ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N10, sinh năm 1950 và bà Trần Thị L6, sinh năm 1955; chồng: Bùi Minh T20, sinh năm 1974; con: có 02 người con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

29. Đào Thị Thu T21, sinh năm 1977 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn X1 (chết) và bà Ngô Thị L7, sinh năm 1957; chồng: Nguyễn Thanh H19 (đã ly hôn); con: có 02 người con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

30. Triệu Thị H20, sinh năm 1969 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 10/12; nghề nghiệp: buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn L8 (chết) và bà Huỳnh Thị B6 (chết); chồng: Nguyễn Văn Nghĩa T22, sinh năm 1964; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

31. Nguyễn Tuấn D2, sinh năm 1970 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số C, ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành L9 (chết) và bà Trương Thị T23 (chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày

05/01/2023; có mặt.

32. Đặng Thị T24, sinh năm 1965 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B, T, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng C7 (chết) và bà Ngô Thị N11; chồng: Trần Văn Đ4; con: có 02 người con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 25-01-2017, bị Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”, nộp phạt cùng ngày; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

33. Lê Văn V1, sinh năm 1999 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 7/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G6, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Ngọc H21, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

34. Lê Minh T25 (P1), sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C8 (chết) và bà Lê Thị S1, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

35. Triệu Phước Â1, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số G, đường N, Khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn B7 (chết) và bà Nguyễn Thị H22 (chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: ngày 16/12/2020, bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 03 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; tiền sự: không; nhân thân: ngày 04/02/1999, bị Toà án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về “Tội cướp giật tài sản”. Ngày 24/7/2000, bị Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 09 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án số 01/HSST ngày 04/02/1999 của Toà án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre buộc chấp hành hình phạt chung là 09 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/7/2007 và phần án phí; ngày 07/7/2009, bị Toà án nhân thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”,

chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2011 và phần án phí; ngày 25/11/2011, bị UBND thành phố B, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 23/6/2016, bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2018 và phần án phí; ngày 25/11/2020, bị Trưởng Công an xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

36. Châu Văn O, sinh năm 1979 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số D, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 3/12; nghề nghiệp: làm vườn; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn K1, sinh năm 1962 và bà Phan Thị T26, sinh năm 1958; vợ: Lê Thị Cẩm L10, sinh năm 1984; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 28/6/2021, bị Công an huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, nộp phạt ngày 09/7/2021; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/8/2022; có mặt.

37. Lê Ngọc Y (P5), sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C8 (chết) và bà Lê Thị S1, sinh năm 1962; chồng: Huỳnh Vũ P6, sinh năm 1983; con: có 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

38. Nguyễn Văn N12, sinh năm 1959 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A, Khu phố C, Phường G, thành phố B, Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G7 (chết) và bà Nguyễn Thị T27 (chết); vợ: Phạm Thị T28, sinh năm 1957; con: có 02 người con, lớn sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1982; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/8/2003, bị Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về “Tội đánh bạc”; ngày 07/12/2012, bị Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tội đánh bạc”, nộp án phí 200.000 đồng và nộp sung công quỹ Nhà nước 6.000.000 đồng, chấp hành nộp án phí và sung công quỹ Nhà nước ngày 27/12/2022; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi

nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

39. Huỳnh Quốc L11 (Q3), sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số D, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: tài xế; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn S2 (chết) và bà Nguyễn Thị M3, sinh năm 1966; vợ: Ô Ngọc T29, sinh năm 1993; con: có 01 người con sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022, chuyển tạm giam ngày 19/8/2022; thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/01/2023; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng N3: Ông Nguyễn Minh K2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H18: Ông Phạm Minh T30 là Luật sư - Văn phòng L13 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 và Lê Quốc B: Ông Phạm Thanh V2 là Luật sư - Công ty L14 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trương Thị B8 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10-8-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C10 bắt quả tang tụ điểm tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu tại khu đất vườn của Trương Thị B8 ở ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, bắt giữ 38 người.

Thu giữ tại hiện trường: Tiền Việt Nam: 229.040.000 đồng (thu tại chiếu bạc); 03 hột xúc xắc (hột xí ngầu) sáu mặt, mỗi mặt có từ 1 đến 6 nút đỏ hoặc đen; 01 hộp nhựa hình trụ úp lên đĩa để lắc xí ngầu; 01 đĩa sứ màu trắng để lắc xí ngầu; 05 bộ bài tây; 01 tấm bạt có kích thước 5m x 5m, có vẽ 06 ô vuông, mỗi ô có các số từ 1 đến 6 sử dụng để lắc tài xỉu; 01 tấm bạt sử dụng căng che ở trên có kích thước 15m x 15m; 80 thẻ nhựa kích thước 4cm x 5cm, màu trắng, có các ô màu đỏ; 30 ghế nhựa các loại; 02 bóng điện màu trắng; 02 xe ô tô biển kiểm soát 71A – 121.09 và 71A – 043.13; 26 xe mô tô, 24 điện thoại di động và 214.500.000 đồng.

Thu trên người của các đối tượng có liên quan, cụ thể:

Đặng Minh N: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu xanh, gắn sim số 0988039639. Nguyễn Minh T: 01 mô tô biển kiểm soát 71S5 – 2166; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, gắn sim số 0907733737. Lê Quốc B: 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B2 – 287.01. Phạm Hồ Huy C1: 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B4 – 796.10. Nguyễn Thành N1: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max; 01 xe

mô tô biển kiểm soát 71B4 – 339.04. Nguyễn Trung N2: 01 điện thoại di động hiệu N16. Nguyễn Hoàng N3: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, gắn sim số 0383007627. Lê Minh T25: 01 mô tô biển kiểm soát 71B1 – 991.74. Lê Thị Ngọc T10: Tiền Việt Nam 8.600.000 đồng. Nguyễn Thị T12: Tiền Việt Nam 4.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 71C1 – 277.67; 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 2021 màu xanh và 01 điện thoại hiệu Iphone A1660 màu hồng. Võ Thị T9: Tiền Việt Nam 10.000.000 đồng. Trần Thị Ngọc B4: Tiền Việt Nam 3.000.000 đồng, 01 xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 627.32; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh. Dương Ngọc H18: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu ghi xám. Nguyễn Thị Thanh T19: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A80, màu hồng. Trần Thị Ngọc H15: Tiền Việt Nam 7.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 63B2 – 814.34. Võ Kim H8: Tiền Việt Nam 14.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 63B9 – 006.30; 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đen. Nguyễn Thị Thu H16: Tiền Việt Nam 1.500.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 63S1 – 9229; 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ, gắn sim số 0327699910. Võ Văn H5: Tiền Việt Nam 9.800.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B4 – 331.30. Võ Thị Bé T18: 01 điện thoại di động hiệu OPPO, gắn sim số 0388811327. Dương Thanh L4: Tiền Việt Nam 3.500.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B4 – 507.89. Nguyễn Thị N6: Tiền Việt Nam 16.810.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 71B1 – 330.24; 01 điện thoại di động hiệu Mobell M139 màu đỏ. Đặng Thị T24: Tiền Việt Nam 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, gắn sim số 0767938473. Triệu Thị H20: 01 xe mô tô biển kiểm soát 68P1 – 132.88; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu tím, số IMEI 1: 866376045473995, số IMEI 2: 866376045473987, gắn sim Vinaphone có dãy số 89840200010936599018, gắn sim V3 có dãy số 8984048000318280101. Lê Văn V1: Tiền Việt Nam 1.270.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 71K3-0243. Phan Thị L2: Tiền Việt Nam 500.000 đồng. Lê Ngọc Y: 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B4 – 883.62; 01 điện thoại di động hiệu S8. Triệu Phước Â1: Tiền Việt Nam 1.170.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 71K2 – 6713. Nguyễn Ngọc G2: Tiền Việt Nam 60.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 71K3 – 7209; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53, màu xanh. Hà Thị Kim P5: Tiền Việt Nam 16.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B1 – 118.88; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10s. Đào Thị Thu T21: Tiền Việt Nam 1.450.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu S8. Nguyễn Tuấn D2: 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B1 – 392.06; 01 điện thoại hiệu Vsmar. Châu Văn O: 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B2 – 081.68; 01 điện thoại di động hiệu Nokia. Nguyễn Thị Mỹ L: Tiền Việt Nam 33.500.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 59D3 – 031.80; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh. Bùi Thanh H7: Tiền Việt Nam 20.000.000 đồng, 01 xe mô tô biển kiểm soát 71S5 – 4454. Nguyễn Văn N12: 01 xe mô tô biển kiểm soát 71F5 – 0728; 01 điện thoại di

động hiệu Nokia màu đen. Nguyễn Thị Thanh L5: Tiền Việt Nam 900.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B1 – 264.20; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, gắn sim số 0916383730. Huỳnh Quốc L11: 01 xe mô tô biển số 71B3-882.82.

Kết quả điều tra, xác định: Đặng Minh N tổ chức đánh bạc tại khu đất vườn của Trương Thị B8 ở ấp M, xã M, thành phố B từ đầu tháng 4/2022 dưới hình thức đá gà ăn thua bằng tiền. Khoảng 22 ngày sau, do tiền thu được không đủ bù tiền chi phí cho hoạt động của sòng bạc nên N nghỉ. Đến ngày 08-7-2022, N mở lại sòng bạc dưới hình thức đá gà và lắc tài xỉu. Sòng bạc hoạt động từ khoảng 12 giờ đến khoảng 18 giờ mỗi ngày, thu hút khoảng từ 40 đến 80 con bạc trong tỉnh Bến Tre và các địa phương khác đến tham gia. N thuê Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 làm nhiệm vụ cảnh giới và hướng dẫn con bạc vào sòng bạc, thuê Nguyễn Minh T phục vụ ăn uống cho các con bạc tại sòng bạc, đồng thời, N đưa cho T khoảng 4.000.000 đồng để mua sắm các vật dụng cần thiết phục vụ việc tổ chức đánh bạc như phong bật, bàn ghế, bóng điện thấp sáng... Mỗi ngày, sau khi sòng bạc kết thúc, N còn đưa T 300.000 đồng để T trả tiền thuê địa điểm tổ chức đánh bạc cho Trương Thị B8. N trả công cho T 300.000 đồng/ngày, thông qua T, N trả công cho B, C1, Thành N1 mỗi người 300.000 đồng/ngày.

Để tổ chức đá gà ăn thua bằng tiền, N chuẩn bị sẵn cân dùng để cân trọng lượng gà, băng keo dùng để tròng cựa gà, đồng thời hẹn các bên có nhu cầu đá gà đến địa điểm do N tổ chức để tham gia. N trực tiếp làm “biện”, xác định tổng số tiền cá cược của các bên đá gà và thu tiền bên thua, chung tiền cho bên thắng. N thu tiền biện gà 5% trên tổng số tiền thắng cược.

Đối với hình thức lắc tài xỉu, ai muốn lắc tài xỉu thì gặp N để được lắc, N và người lắc tài xỉu thoả thuận khi lắc lên “bão” thì N và người lắc tài xỉu chia nhau với tỷ lệ 50/50 số tiền thắng được. Hình thức lắc tài xỉu là người lắc cái cho 03 hột xí ngẫu vào hộp nhựa hình trụ rồi úp đĩa lại để lắc, với quy ước người tham gia đánh bạc đặt phía các ô số 1, 2, 3 là đặt xỉu, đặt phía các ô 4, 5, 6 là đặt tài, người đánh bạc có thể chọn bên tài hoặc xỉu để đặt tiền. Mỗi ván, nhà cái tham gia chơi với số tiền bằng số tiền chênh lệch giữa hai bên tài, xỉu để cân kèo. Sau khi lắc và mở hộp, nếu tổng số điểm các mặt ngựa của 03 hột xí ngẫu từ 11 điểm đến 17 điểm thì người đánh bạc đặt cửa tài sẽ thắng người đánh bạc đặt cửa xỉu; nếu tổng điểm từ 4 điểm đến 10 điểm thì người đánh bạc đặt cửa xỉu thắng người đánh bạc đặt cửa tài. Trường hợp 03 hột xí ngẫu ra mặt ngựa giống nhau thì gọi là “bão”, khi đó nhà cái sẽ ăn hết số tiền của người đánh bạc đặt bên tài nếu là “bão” xỉu, ăn hết số tiền của người đánh bạc đặt bên xỉu nếu là “bão” tài. Để hỗ trợ cho người lắc cái quản lý số tiền đặt cược, thu tiền, chung tiền cho người đánh bạc tham gia đặt tài xỉu, người lắc cái sẽ phân công cho người hỗ trợ gọi là “làm vĩ”, những người tham gia “làm vĩ” do người lắc cái quyết định, không phải thông qua Đặng Minh N.

Vào ngày 10-8-2022, N đã tổ chức đá gà, N không nhớ rõ người tham gia đá gà, số tiền thu lợi khoảng 2.000.000 đồng. Sau khi tổ chức đá gà thì tổ chức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền. Nguyễn Hoàng N3 là người lắc cái, N3 bỏ ra số tiền 40.000.000 đồng lắc cái khoảng 20 phút, N3 thua khoảng 13.000.000 đồng thì nghỉ và giao lại cho Võ Văn B1 làm người lắc cái. B1 bỏ ra số tiền 40.000.000 đồng để lắc cái. Khi B1 lắc cái thì Nguyễn Trung N2 và Nguyễn Hoàng N3 “làm vi” giúp B1 thu tiền, trả tiền thắng cho người đánh bạc, B1 trả công cho N2, Hoàng N3 mỗi người 200.000 đồng/lần “bão”, số người tham gia đặt tài xỉu trên 40 người. B1 làm cái khoảng 30 phút thì bị bắt quả tang.

Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của các đối tượng tổ chức đánh bạc, gá bạc, đánh bạc và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

Về nhóm các bị cáo hành vi tổ chức đánh bạc, gá bạc:

1. Đặng Minh N: Nhựt tổ chức sòng bạc từ tháng 4/2022 với hình thức đá gà, hoạt động khoảng 22 ngày thì nghỉ do không có thu lợi. Thời gian này, N thuê T, B cảnh giới, dẫn khách vào sòng bạc, N làm biện gà, trả công cho T, B mỗi người 300.000 đồng/ngày. Đến ngày 08-7-2022, N tổ chức lại sòng bạc với hình thức đá gà và lắc tài xỉu. N thuê và trả tiền công cho Nguyễn Minh T 300.000 đồng/ngày để phục vụ ăn uống cho người tham gia đánh bạc tại sòng bạc; đưa tiền cho T mua các vật dụng như bạt che, ghế nhựa, bóng đèn..., T đứng gần khu vực lắc tài xỉu để khi có “bão” thì báo cho N biết; N trả 300.000 đồng/ngày cho Trương Thị B8 để thuê địa điểm tổ chức sòng bạc thông qua T. N thuê và phân công Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 trông coi xe, chỉ đường cho người đánh bạc vào sòng bạc và cảnh giới lực lượng chức năng để sòng bạc hoạt động, trả tiền công B, C1 và Thành N1 mỗi người 300.000 đồng/ngày thông qua T. Mỗi ngày, N thu lợi từ việc tổ chức đá gà khoảng 2.000.000 đồng, thu lợi từ việc tổ chức lắc tài xỉu khoảng 4.000.000 đồng. Ngày 09-8-2022, Nguyễn Thành N1 là người làm cái lắc tài xỉu, chia tiền “bão” cho N 4.000.000 đồng. Trước đó, có các đối tượng tên Q3, H18 là người làm cái lắc tài xỉu nhưng không rõ họ tên, địa chỉ của các đối tượng này. Từ ngày 08-7-2022 đến ngày 10-8-2022, N thu lợi từ việc tổ chức đánh bạc số tiền **194.000.000 đồng**. Vào ngày 10-8-2022, trước khi bị bắt quả tang, N đã tổ chức xong hình thức đánh bạc đá gà, hưởng lợi 2.000.000 đồng, đang tổ chức hình thức đánh bạc lắc tài xỉu thì bị bắt quả tang.

2. Nguyễn Minh T: Khoảng đầu tháng 4/2022, được N thuê làm nhiệm vụ cảnh giới, dẫn khách vào sòng bạc..., trả tiền công 300.000 đồng/ngày, đến khoảng cuối tháng 4/2022 thì nghỉ, T thu lợi khoảng **6.000.000 đồng**. Đến đầu tháng 7/2022, theo yêu cầu của N, T đi mua các vật dụng như bạt che, ghế nhựa, bóng đèn..., kéo điện từ nhà anh Trần Nhựt T31 để phục vụ việc tổ chức đánh bạc. Hàng ngày, N đưa cho

T 300.000 đồng trả tiền thuê thuê địa điểm tổ chức sông bạc cho Trương Thị B8. T là người giới thiệu Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 với N để N thuê làm tại sông bạc và trực tiếp trả tiền công cho B, C1, Thành N1 sau khi được N đưa tiền. T giúp sức cho N thu lợi số tiền 194.000.000 đồng. T được N trả công 300.000đ/ngày. Từ ngày 08-7-2022 đến ngày 10-8-2022, T thu lợi **10.500.000 đồng**. Tổng số tiền T thu lợi bất chính là **16.500.000 đồng**.

3. Lê Quốc B: B được Nguyễn Minh T giới thiệu tham gia tổ chức đánh bạc vào đầu tháng 4/2022. B được N phân công cảnh giới lực lượng chức năng để sông bạc hoạt động, trông giữ xe, hướng dẫn người đánh bạc vào sông bạc tham gia đánh bạc, được N trả tiền công 300.000 đồng/ngày thông qua T. Thời gian này sông bạc hoạt động khoảng 22 ngày thì nghỉ, B thu lợi khoảng **6.600.000 đồng**. Đến ngày 08-7-2022, B9 tham gia trở lại cho đến ngày 10-8-2022 thì bị bắt quả tang, B thu lợi khoảng **9.600.000 đồng**. B tham gia giúp sức cho N tổ chức đánh bạc thu lợi bất chính tổng số tiền 194.000.000 đồng. Bản thân B được hưởng tổng cộng **16.200.000 đồng**.

4. Phạm Hồ Huy C1: Chương được Nguyễn Minh T giới thiệu tham gia tổ chức đánh bạc với vai trò giúp sức cho N. Chương được N phân công cảnh giới lực lượng chức năng để sông bạc hoạt động, trông giữ xe, hướng dẫn người đánh bạc vào sông bạc tham gia đánh bạc, được N trả tiền công 300.000 đồng/ngày thông qua T. Chương tham gia giúp sức cho N từ ngày 08-7-2022 đến ngày 10-8-2022 thì bị bắt quả tang, thời gian này C1 có nghỉ 02 ngày. Như vậy, C1 tham gia giúp sức cho N tổ chức đánh bạc là 30 ngày, giúp N thu lợi bất chính tổng số tiền 180.000.000 đồng. Bản thân C1 được thu lợi bất chính **9.000.000 đồng**.

5. Nguyễn Thành N1: Từ ngày 07-8-2022, N1 được Nguyễn Minh T giới thiệu tham gia tổ chức đánh bạc với vai trò giúp sức cho N. N1, được N phân công cảnh giới lực lượng chức năng để sông bạc hoạt động, trông giữ xe, hướng dẫn các con bạc vào sông bạc tham gia đánh bạc, được N trả công 300.000 đồng/ngày. N1 tham gia giúp sức cho N từ ngày 08-7-2022 đến ngày 10-8-2022 thì bị bắt quả tang, thời gian này N1 có nghỉ 02 ngày. Như vậy, N1 tham gia giúp sức cho N tổ chức đánh bạc là 30 ngày, giúp N thu lợi bất chính tổng số tiền 180.000.000 đồng. Bản thân N1 thu lợi bất chính **9.000.000 đồng**.

6. Võ Văn B1: B1 quen biết từ trước với Đặng Minh N khi B1 và N cùng tham gia đánh bạc ở nơi khác, từ đó B1 và N có liên lạc nói chuyện qua lại với nhau. Vào tháng 7/2022, N nói với B1 về việc có tổ chức sông bạc tại tỉnh Bến Tre và rủ B1 đến cùng tham gia. Cũng trong tháng 7/2022, B1 mang theo số tiền 20.000.000 đồng đến sông bạc của N để lặt cái tài xỉu và thua hết tiền. Từ thời điểm này, B1 đến sông bạc của N lặt cái khoảng 10 lần nhưng không xác định được số tiền thắng thua. Đến ngày 09-8-2022, B1 liên hệ với N để làm người lặt cái thì được N đồng ý. Ngày 10-

8-2022, B1 đi xe taxi và mang số tiền 40.000.000 đồng đến sông bạc do N tổ chức tham gia lắc cái tài xỉu. Trên đường đi, B1 ghé tiệm tạp hoá mua bộ hột xí ngẫu dùng để lắc tài xỉu. Do số lượng con bạc tham gia đông, số tiền lớn nên B1 nhờ Nguyễn Trung N2 và Nguyễn Hoàng N3 tham gia giúp B1 quản lý thu tiền, chung tiền thắng cho các con bạc. Tuỳ theo số tiền thắng “bão”, B1 trả công cho người “làm vĩ” từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Khi B1 đang lắc tài xỉu cho trên 40 người tham gia đánh bạc thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. B1 bỏ lại số tiền tham gia đánh bạc tại chiếu bạc, chạy thoát khỏi hiện trường. Đến ngày 27-9-2022, B1 đến Cơ quan CSĐT – Bộ C10 **đầu thú**.

7. Nguyễn Trung N2: Khoảng 13 giờ ngày 10-8-2022, N2 đi xe ôm từ nhà đến sông bạc do N tổ chức. Khi thấy B1 lắc cái tài xỉu thì N2 xin tham gia “làm vĩ”, giúp B1 thu tiền, chung tiền cho các con bạc và được B1 đồng ý. N2 ngồi bên phải B1 và ngồi bên ô tài. N2 được B1 trả công 300.000 đồng/1 ca lắc cái. Khi B1 làm cái thì có trên 40 người tham gia đánh bạc. Khi N2 đang “làm vĩ” thì bị bắt quả tang. N2 chưa thu lợi từ việc tham gia “làm vĩ” cho B1.

8. Nguyễn Hoàng N3: Ngày 10-8-2022, N3 đến sông bạc do N tổ chức cùng với đối tượng tên Quá, X2 (không rõ họ tên ở huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) để tham gia đánh bạc. N3 bỏ ra số tiền 40.000.000 đồng để làm cái lắc tài xỉu khoảng 20 phút thì thua khoảng 13.000.000 đồng nên N3 nghỉ giao lại cho B1 làm cái lắc tài xỉu. N3 xin B1 tham gia “làm vĩ” thì B1 đồng ý và thỏa thuận B1 trả công số tiền 200.000 đồng/1 lần “bão”. N3 ngồi bên ô xỉu. Khi B1 làm cái lắc tài xỉu có khoảng từ 40 đến 50 người tham gia đặt tài xỉu. Trong lúc B1 đang lắc tài xỉu thì bị bắt quả tang, N3 bỏ chạy làm rơi mất số tiền còn lại. N3 chưa thu lợi từ việc tham gia “làm vĩ” cho B1. Ngoài ra, trước đó vào ngày 09-8-2022, N3 đã có đến sông bạc do N tổ chức, N3 bỏ ra số tiền **30.000.000 đồng** để làm cái tài xỉu, N3 thua khoảng 3.000.000 đồng thì nghỉ.

9. Trương Thị B8: Tại thời điểm xảy ra vụ việc, Trương Thị B8 sống chung với mẹ ruột là bà Lê Thị T32. Bút được bà T32 chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 473, tờ bản đồ số 13 ở ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, cách nhà ở của B8 khoảng 200m. Khoảng tháng 4/2022, có một số người đến gặp B8 xin được tổ chức đánh bạc trên khu đất do Bút đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ cho tiền Bút nhưng B8 không đồng ý. Tuy nhiên, sau đó do bà T32 già yếu, bệnh nặng nên bà B8 phải thường xuyên ở nhà chăm sóc cho bà T32, không có đi làm nên không có nguồn thu nhập. Do cần tiền tiêu xài nên B8 đồng ý cho Đặng Minh N cùng đồng phạm tổ chức đánh bạc trên phần đất vườn của mình. Trong thời gian N tổ chức đánh bạc tại phần đất vườn của B8, B8 có đến gom lá dừa và củ dừa để bán thì thấy có nhiều người và biết các đối tượng tập trung đánh bạc nhưng không biết rõ đánh bạc bằng hình thức nào. Hoạt động đánh bạc khoảng một tháng thì nghỉ.

Sau đó, hoạt động trở lại thì bị bắt. Số tiền do nhóm người tổ chức đánh bạc đưa cho B8 từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, số tiền B8 thu lợi bất chính là **9.000.000 đồng**. Sau khi nhận tiền, B8 đã tiêu xài cá nhân hết.

Nhóm các bị cáo có hành vi đánh bạc:

1. Nguyễn Ngọc G2: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10-8-2022, G2 đi xe mô tô biển kiểm soát 71K3 - 7209, đem theo 70.000.000 đồng đến sông bạc để đánh bạc. Giàu chơi nhiều ván với số tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng mỗi ván, có ván thắng có ván thua. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, G2 đứng phía gần cuối bên tài, đang tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang. Giàu thua 6.000.000 đồng, vớt 4.000.000 đồng tại chiếu bạc. Giàu bị tạm giữ trên người số tiền **60.000.000 đồng**. Giàu tham gia đánh bạc tại sông bạc này từ khoảng tháng 6/2022 cho đến khi bị bắt. Quá trình đánh bạc, có ngày thắng và ngày thua, tổng kết lại đến ngày bị bắt thì G2 thua 20.000.000 đồng.

2. Nguyễn Thị Mỹ L: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10-8-2022, L đi xe mô tô biển kiểm soát 59D3 - 031.80, đem theo số tiền **32.000.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. L đã chơi 03 ván, đều đặt cửa tài với số tiền 500.000 đồng/ván, kết quả thắng được 1.500.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, L đang đánh bạc thì bị bắt quả tang và bị thu giữ số tiền 33.500.000 đồng. L đã đến sông bạc này chơi khoảng 10 lần, lần thắng nhiều nhất là 2.000.000 đồng, lần thua nhiều nhất là 7.000.000 đồng.

3. Bùi Thanh H7: Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 10-8-2022, H7 đi xe mô tô biển kiểm soát 71S5 – 4454, đem theo số tiền **25.000.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. H7 đã chơi 10 ván, mỗi ván đánh từ 200.000 đồng đến 800.000 đồng, có ván thắng ván thua. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, H7 đứng phía bên tài đang tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang. H7 thua số tiền 1.000.000 đồng, H7 vớt số tiền 4.000.000 đồng vào chiếu bạc, còn lại 20.000.000 đồng bị thu giữ.

4. Hà Thị Kim P5: Vào khoảng 14 giờ ngày 10-8-2022, P5 đi xe mô tô biển kiểm soát 71B1 – 118.88, đem theo số tiền **18.000.000 đồng** đến sông bạc để tham gia chơi tài xỉu. P5 ngồi ghế thấp phía bên tài, cạnh Võ Kim H8. P5 đã tham gia đánh bạc khoảng hơn 10 ván, mỗi ván đánh 500.000 đồng. Trong lúc P5 đang tham gia đánh bạc và đang thua 2.000.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người P5 số tiền 16.000.000 đồng. P5 tham gia đánh bạc liên tục từ ngày 06-8-2022 đến ngày 10-8-2022, có thắng có thua nhưng tổng kết lại thì thua khoảng 10.000.000 đồng.

5. Nguyễn Thị N6: Khoảng 14 giờ ngày 10-8-2022, N6 đi xe mô tô biển kiểm soát 71B1 – 330.24, đem theo số tiền **16.610.000 đồng** đến sông bạc tham gia đánh bạc. N6 đã tham gia đặt cược 6 ván: ván thứ nhất đặt cược xỉu số tiền 200.000 đồng và thua; ván thứ hai đặt cược xỉu số tiền 300.000 đồng và thắng; ván thứ ba đặt cược tài số tiền 200.000 đồng và thua; ván thứ tư đặt cược tài số tiền 200.000 đồng và

thua; ván thứ năm đặt cược xỉu số tiền 300.000 đồng và thắng; ván thứ sáu đặt cược tài số tiền 200.000 đồng và thắng. Khi N6 đang đặt cược 200.000 đồng, chưa rõ kết quả tài hay xỉu thì bị bắt quả tang, N6 bị tạm giữ số tiền 16.810.000 đồng trên người. N6 đã tham gia đánh bạc tại sòng bạc này khoảng 3 lần, có thắng có thua.

6. Võ Kim H8: Khoảng 14 giờ 50 ngày 10-8-2022, H8 đi xe mô tô biển kiểm soát 63B9 – 006.30, đem theo số tiền **15.000.000 đồng** đến sòng bạc để đánh bạc. H8 tham gia đánh bạc từ 6 đến 7 ván, đặt cược mỗi ván 500.000 đồng, có ván đặt cửa tài, có ván đặt cửa xỉu, có thắng có thua. Khi H8 đang ngồi ghế nhựa ở khu vực giữa bên tài, bên phải Võ Văn B1 và đang đặt cược 500.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người H8 số tiền 14.000.000 đồng. Trước đó, vào ngày 09-8-2022, H8 đánh bạc tại sòng bạc này và bị thua 3.000.000 đồng.

7. Võ Văn H5: Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 10-8-2022, H5 đi xe mô tô biển kiểm soát 71B4 – 33.130, đem theo số tiền **10.000.000 đồng** để đánh bạc. H5 tham gia đặt cược 03 ván, đều đặt cửa tài, hai ván đầu đặt 300.000 đồng/ván và thua, ván thứ ba đặt 400.000 đồng và thắng. Trong lúc H5 đứng ở hàng sau cùng, đối diện với Võ Văn B1 và đang tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người H5 số tiền 9.800.000 đồng. Trước đó, vào ngày 08 và ngày 09-8-2022, H5 có đến sòng bạc này để đánh bạc, có thắng có thua.

8. Võ Thị T9: Vào khoảng 13 giờ 30 ngày 10-8-2022, T9 đi xe taxi cùng Thạch Thị Thanh T15 đến sòng bạc, đem theo số tiền **10.000.000 đồng** để đánh bạc. Trâm tham gia đánh bạc khoảng hơn 10 ván với số tiền mỗi ván là 500.000 đồng, có ván đặt cửa tài, có ván đặt cửa xỉu, có ván thắng, có ván thua. T9 đứng ở vị trí đối diện Võ Văn B1, đứng bên phải Thạch Thị Thanh T15 và đang tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người Trâm số tiền 10.000.000 đồng. Trước đó, vào ngày 07 và ngày 09-8-2022, T9 có đến đánh bạc tại sòng bạc này và bị thua.

9. Lê Thị Ngọc T10: Khoảng 15 giờ 30 ngày 10-8-2022, T10 đi xe ôm và đem theo số tiền **10.000.000 đồng** đến sòng bạc để tham đánh bạc. T10 đứng sau lưng Võ Văn B1, tham gia đánh bạc từ 4 đến 5 ván, có ván đặt cửa tài, có ván đặt cửa xỉu, mỗi ván đặt từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, có ván thắng, ván thua. Khi bắt quả tang, T10 bị thu giữ số tiền 8.600.000 đồng. Trước đó, T10 đến sòng bạc này đánh bạc nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể.

10. Trần Thị Ngọc B4: Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 10-8-2022, B4 đi cùng Dương Ngọc H18 đến sòng bạc bằng xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 627.32 và đem theo số tiền **8.000.000 đồng** để đánh bạc. Bịch cho H18 mượn 3.000.000 đồng để H18 đánh bạc. Sau đó, B4 lấy 2.000.000 đồng hùn với H18 1.850.000 đồng để đặt cược. Bịch tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, có ván thắng, có ván thua, không nhớ kết quả thắng thua từng ván. Khi bị bắt quả tang, B4 ngồi hàng bên tay phải Võ Văn B1, cách B1 2 người, thu giữ trên người

Bích số tiền 3.000.000. B4 đã tham gia đánh bạc 03 lần tại sòng bạc này.

11. Phan Thị L2: Vào khoảng 14 giờ ngày 10-8-2022, L2 đi xe ôm và đem theo số tiền **5.500.000 đồng** vào sòng bạc để đánh bạc. L2 tham gia đặt cược khoảng 20 ván, mỗi ván 500.000 đồng, có ván đặt cửa tài, có ván đặt cửa xỉu, thắng 05 ván, thua 15 ván. Khi L2 đang đứng tại vị trí bên phải Võ Văn B1 để đặt 500.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người Liên số tiền 500.000 đồng. L2 đã đến đánh bạc 05 lần, không nhớ kết quả thắng thua.

12. Nguyễn Thị T12: Khoảng 14 giờ 30 ngày 10-8-2022, T12 đi xe mô tô biển kiểm soát 71C1 – 277.67, đem theo số tiền **5.000.000 đồng** đến sòng bạc để đánh bạc. Thương đứng phía sau, bên trái Võ Văn B1, tham gia đặt cược từ 5 đến 7 ván, các ván đều đặt cửa xỉu từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng/ván và đều bị thua. Trong lúc T12 đang cùng các đối tượng khác đánh bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người Thương số tiền 4.000.000 đồng.

13. Trần Thị Ngọc H15: Vào khoảng 14 giờ 50 ngày 10-8-2022, H15 đi xe mô tô biển kiểm soát 63B2 – 814.34, đem theo **5.000.000 đồng** để đánh bạc. Huyền tham gia đặt cược 4 ván cửa xỉu, số tiền đánh bạc mỗi ván 500.000 đồng và thắng cả 4 ván được 2.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, H15 bị thu giữ số tiền 7.000.000 đồng. Huyền tham gia đánh bạc khoảng 5 lần, có thắng có thua.

14. Dương Thanh L4: Khoảng hơn 13 giờ ngày 10-8-2022, L4 đi xe mô tô biển kiểm soát 71B4 – 50.789, đem theo số tiền **5.000.000 đồng** để tham gia đánh bạc. L4 đặt cược 03 ván bên tài, mỗi ván đặt 500.000 đồng, cả 03 ván đặt cược L4 đều thua. Trong lúc L4 ngồi bên phía xỉu tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang và bị thu giữ số tiền 3.500.000 đồng. Trước đó, L4 tham gia đánh bạc 01 lần nhưng không nhớ cụ thể thế nào.

15. Thạch Thị Thanh T15: Khoảng 14 giờ ngày 10-8-2022, T15 đi xe taxi cùng Võ Thị T9, đem theo số tiền **4.000.000 đồng** đến sòng bạc để đánh bạc bằng hình thức lác tài xỉu. Tuyền ngồi phía bên phải Võ Văn B1, cạnh Võ Thị T9. Tuyền tham gia đặt cược từ 6 đến 7 ván, đều đặt cửa tài với số tiền 500.000 đồng/ván, có ván thắng, có ván thua. Đến khi bị bắt quả tang, T15 thua hết số tiền 4.000.000 đồng.

16. Nguyễn Thị Thu H16: Khoảng 14 giờ 30 ngày 10-8-2022, H16 đi xe mô tô biển kiểm soát 63S1 – 9229, đem theo số tiền **3.500.000 đồng** để đánh bạc. Hằng tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván đặt từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, có ván đặt cửa tài, có ván đặt cửa xỉu, có ván thắng, có ván thua. Khi bị bắt quả tang, H16 đã thua là 2.000.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng bị thu giữ. H16 đến sòng bạc này đánh bạc khoảng 5 lần, không nhớ cụ thể thắng thua.

17. Võ Thị Bé T18: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10-8-2022, T18 đi xe ôm tới sòng bạc, đem theo số tiền **3.500.000 đồng** để đánh bạc. T18 đặt cược từ 6 đến 7 ván, mỗi ván 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, có ván đặt cửa tài, có ván đặt cửa

xỉu, có ván thắng, có ván thua. Khi bị bắt quả tang, T18 đứng ở phía sau nhà cái, đang đặt cược cửa tài 500.000 đồng, số tiền 1.500.000 đồng còn lại rút xuống chiếu bạc do người khác bỏ chạy va chạm vào người. Đây là lần đầu T18 tham gia đánh bạc.

18. Dương Ngọc H18: Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 10-8-2022, H18 cùng Trần Thị Ngọc B4 đi xe mô tô từ tỉnh Trà Vinh đến sông bạc. Do không có tiền nên **H18 mượn B4 3.000.000 đồng** để đánh bạc. Lấy 2.000.000 đồng tham gia đặt cược 3 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và bị thua hết các ván. Sau đó. Hóa hùn với B4 số tiền 1.850.000 đồng để B4 tiếp tục đặt cược. Khi bị bắt quả tang, H18 đang đứng bên phải Võ Văn B1 và đứng phía sau B4. Số tiền 1.000.000 đồng còn lại, H18 làm mất khi bị bắt quả tang.

19. Nguyễn Thị Thanh T19: Khoảng 15 giờ ngày 10-8-2022, T19 đem theo số tiền **3.400.000 đồng** đến sông bạc để tham gia đánh bạc. T19 đứng ở vị trí đối diện phía bên phải Võ Văn B1, bên cạnh gốc dừa. T19 đã đặt cược khoảng 6 ván, đều đặt bên tài, mỗi ván 500.000 đồng và đều bị thua. Trong lúc T19 đặt số tiền 400.000 đồng còn lại vào cửa tài, chưa phân định thắng thua thì bị bắt quả tang. Thúy đến sông bạc này tham gia đánh bạc 04 lần, có thắng có thua.

20. Nguyễn Thị Thanh L5: Vào khoảng 14 giờ ngày 10-8-2022, L5 đi xe mô tô biển kiểm soát 71B1 - 26420 đem theo **3.000.000 đồng** đến sông bạc để tham gia đánh bạc. L5 đã đặt nhiều ván, mỗi ván đánh trung bình khoảng 500.000 đồng, có ván đặt cửa tài, có ván đặt cửa xỉu, có ván thắng, có ván thua. Trong lúc L5 đang tham gia đánh bạc, ngồi ở vị trí bên phải Võ Văn B1 thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người Lan số tiền 900.000 đồng. L5 đã đến sông bạc này đánh bạc được 5 lần, có thắng có thua nhưng không nhớ cụ thể.

21. Đào Thị Thu T21: Vào khoảng 14 giờ ngày 10-8-2022, T21 đi xe ôm và đem theo **3.000.000 đồng** đến sông bạc để tham gia đánh bạc. Khi đến sông bạc, T21 sử dụng 50.000 đồng để mua thức ăn. T21 đứng ở vị trí bên xỉu, đã tham gia đặt cược 7 ván, mỗi ván cược 200.000 đồng, đều cược bên xỉu và bị thua, ván cuối đặt cược 300.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, trong lúc T21 đang đánh bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người T21 số tiền 1.450.000 đồng.

22. Triệu Thị H20: Khoảng 15 giờ ngày 10-8-2022, H20 đi xe mô tô biển kiểm soát 68P1 – 132.88 và đem theo số tiền **2.400.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. H20 tham gia đặt cược khoảng 13 ván. H20 nhớ được 05 ván, gồm: ván thứ nhất đặt cược cửa xỉu số tiền 100.000 đồng và bị thua; ván thứ hai đặt cược cửa tài số tiền 200.000 đồng và thắng; ván thứ ba đặt cược cửa tài số tiền 100.000 đồng và thắng; ván thứ tư đặt cược cửa xỉu số tiền 400.000 đồng và bị thua; ván thứ năm đặt cược cửa tài số tiền 100.000 đồng và bị thua. Khi H20 đang đặt cược 100.000 đồng cho ván tiếp theo thì bị bắt quả tang.

23. Nguyễn Tuấn D2: Vào khoảng 13 giờ ngày 10-8-2022, D2 đi xe mô tô biển kiểm soát 71B1 – 392.06, mang theo **2.000.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. D2 đã đặt cược 04 ván, mỗi ván cược từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng, cụ thể: ván 1 cược cửa tài 500.000 đồng và bị thua; ván 2 cược cửa xỉu 300.000 đồng và thắng; ván 3 cược cửa tài 500.000 đồng và bị thua; ván 4 cược cửa tài 500.000 đồng và bị thua. Trong lúc D2 đứng ở vị trí bên trái, gần cuối so với Võ Văn B1 thì bị bắt quả tang, D2 bỏ chạy làm rơi số tiền 500.000 đồng còn lại.

24. Đặng Thị T24: Khoảng 14 giờ 30 ngày 10-8-2022, T24 đi xe ôm và đem theo **1.800.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. T24 tham gia đặt cược 04 ván: ván thứ nhất đặt cược cửa tài số tiền 100.000 đồng và bị thua; ván thứ hai đặt cược cửa tài số tiền 100.000 đồng và thắng; ván thứ ba đặt cược cửa xỉu số tiền 200.000 đồng và bị thua; ván thứ tư đang đặt cược cửa tài số tiền 100.000 đồng, chưa rõ kết quả thắng hay thua thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người Thảo số tiền 1.500.000 đồng.

25. Lê Văn V1: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10-8-2022, V1 đi xe mô tô biển kiểm soát 71K3 – 0243 và đem theo **1.670.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. V1 đã tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván đặt 200.000 đồng, ván thứ nhất đặt cửa xỉu và bị thua, ván thứ hai đặt cửa tài và thắng nhưng chưa nhận tiền thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người V1 số tiền 1.270.000 đồng.

26. Lê Minh T25: Khoảng 14 giờ 30 ngày 10-8-2022, T25 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B1 – 991.74, đem theo số tiền **1.500.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. Thường đứng ở cuối sông bạc, đối diện phía bên phải người lắc cái, T25 đã tham gia đặt cược 06 ván, đều đặt cửa tài, mỗi ván từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, các ván đều thua. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi T25 đang cùng các đối tượng khác đánh bạc thì bị bắt quả tang và thua hết số tiền 1.500.000 đồng. Thường đến đánh bạc 3 lần, hai lần trước là vào cuối tháng 7/2022, không nhớ rõ ngày, không nhớ rõ thắng thua.

27. Triệu Phước Ân: Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 10-8-2022, Ân đi xe mô tô biển kiểm soát 71K2 – 6713 và đem theo số tiền **1.570.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. Ân đã tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván đặt 200.000 đồng, cả 02 ván đều đặt cửa tài và thua số tiền 400.000 đồng. Trong lúc Ân đứng ở vị trí bên trái hướng nhìn của người lắc tài xỉu và đang tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người Ân số tiền 1.170.000 đồng. Trước đó, Ân đã đến sông đánh bạc 01 lần nhưng không nhớ ngày cụ thể và kết quả thắng thua.

28. Châu Văn O: Khoảng 14 giờ ngày 10-8-2022, O đi xe mô tô biển kiểm soát 71B2 – 081.86 và mang theo số tiền **480.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. O đã tham gia đặt cược 02 ván, đặt cửa tài, mỗi ván 200.000 đồng và thua cả hai ván. Khi O đang tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người O số tiền 80.000 đồng.

29. Lê Ngọc Y: Vào khoảng 14 giờ ngày 10-8-2022, Y đi xe mô tô biển kiểm soát 71B4 – 883.62 và đem theo số tiền **1.000.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. Y đã tham gia đặt cược 05 ván, mỗi ván đặt 200.000 đồng, cả 05 ván đều đặt cửa tài và thua cả 05 ván. Khi Y đứng ở vị trí bên phải theo hướng nhìn của người lắc tài xỉu thì bị bắt quả tang. Trước đó, Y đã đến sông bạc này đánh bạc 02 lần nhưng không nhớ ngày cụ thể và kết quả thắng thua.

30. Nguyễn Văn N12: Vào khoảng 14 giờ ngày 10-8-2022, N12 đi xe mô tô biển kiểm soát 71F5 – 0728 và mang theo **600.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. Nhon đã tham gia đặt cược 03 ván, mỗi ván đánh 200.000 đồng, tất cả đều đặt cửa xỉu và thua cả 3 ván. Trước đó, N12 đến sông bạc được 04 lần, cụ thể: lần 1 vào tháng 7/2022, tham gia chơi 2 ván, mỗi ván đặt 100.000 đồng và bị thua; lần thứ 2, thứ 3 và thứ 4 chưa kịp chơi thì có con bạc kêu N12 làm xe ôm chở đi có công việc nên không có đánh bạc.

31. Huỳnh Quốc L11: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10-8-2022, L11 đi xe mô tô biển kiểm soát 71B3 – 882.82 và đem theo **230.000 đồng** đến sông bạc để đánh bạc. L11 đã tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván 100.000 đồng ở cửa xỉu và bị thua 200.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi L11 đứng ở bên trái sông bạc theo hướng từ ngoài đường tỉnh lộ đi vào và đánh bạc thì bị bắt quả tang, L11 làm rơi 30.000 đồng khi bỏ chạy. Trước đó, L11 đến sông bạc này đánh bạc 03 lần: lần 1 vào cuối tháng 7/2022, đặt cược 04 ván, mỗi ván đặt 100.000 đồng và bị thua 400.000 đồng; lần 2 vào ngày 07-8-2022, đặt cược 03 ván, mỗi ván đặt 100.000 đồng và bị thua 300.000 đồng; lần 3 vào ngày 08-8-2022, đặt cược 03 ván, mỗi ván đặt 100.000 đồng và bị thua 300.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2023/HS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố:

- Các bị cáo Đặng Minh N, Nguyễn Minh T, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”;

- Bị cáo Võ Văn B1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”;

- Các bị cáo Nguyễn Trung N2, Nguyễn Hoàng N3 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”;

- Các bị cáo Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Văn V1, Lê Minh T25, Triệu Phước Â1, Châu

Văn O, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11 phạm tội “*Đánh bạc*”;

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Đặng Minh N 06** (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 06/3/2023;

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T 05** (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành N1 05** (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 07/3/2023;

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Quốc B 05** (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 07/3/2023;

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Phạm Hồ Huy C1 05** (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 07/3/2023;

6. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Văn B1 01** (một) năm 09 (chín) tháng tù;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Văn B1 03** (ba) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả hai tội để buộc bị cáo chấp hành chung 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 27/9/2022 đến ngày 18/01/2023;

7. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung N2 01** (một)

năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 18/01/2023;

8. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng N3** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 18/01/2023;

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc G2** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ L** 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Bùi Thanh H7** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2023. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Hà Thị Kim P5** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N6** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 25/10/2022;

14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Kim H8** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Văn H5** 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Thị T9** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu

trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

17. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Thị Ngọc T10** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

18. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Thị Ngọc B4** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

19. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Phan Thị L2** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

20. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T12** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

21. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Thị Ngọc H15** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

22. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Dương Thanh L4** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

23. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Thạch Thị Thanh T15** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

24. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu H16** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

25. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Thị Bé T18** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

26. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều

17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Dương Ngọc H18 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

27. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T19 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

28. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh L5 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

29. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Đào Thị Thu T21 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

30. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Triệu Thị H20 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

31. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn D2 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

32. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Đặng Thị T24 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

33. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Văn V1 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

34. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Minh T25 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

35. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Triệu Phước Â1 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời

hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

36. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Châu Văn Ổ** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022;

37. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Ngọc Y** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

38. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N12** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

39. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Huỳnh Quốc L11** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023;

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo khác, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Các bị cáo Đặng Minh N, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Văn V1 kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền;

- Bị cáo Võ Văn B1 kháng cáo cho rằng chỉ phạm tội “Đánh bạc”, không phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền;

- Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Trung N2, Nguyễn Hoàng N3, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Minh T25, Triệu Phước Á1, Châu Văn Ổ, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11 kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo;

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 339/QĐ-VKS-P7 ngày 08/9/2023. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử

phúc thẩm vụ án theo hướng: Tuyên bố bị cáo Võ Văn B1 không phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Chuyển tội danh từ tội “Tổ chức đánh bạc” sang tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng N3, Nguyễn Trung N2 (với vai trò đồng phạm với bị cáo B1) và áp dụng hình phạt theo tội danh này đối với 02 bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự để xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Minh T, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 và giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo này.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 361/QĐ-VKS-P7 ngày 25/9/2023. Rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 339/QĐ-VKS-P7 ngày 08/9/2023 của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã được rút nêu trên và xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời các bị cáo có thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo, cụ thể như sau:

+ Bị cáo Võ Văn B1 thừa nhận phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” nên rút lại kháng cáo yêu cầu về phần tội danh và giảm nhẹ hình phạt; chỉ kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền;

+ Các bị cáo Nguyễn Trung N2, Bùi Thanh H7, Võ Kim H8, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Võ Thị Bé T18, Lê Ngọc Y, Huỳnh Quốc L11 bổ sung kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo là đúng quy định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Đặng Minh N, Nguyễn Minh T, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Văn B1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Trung N2, Nguyễn Hoàng N3 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20,

Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Văn V1, Lê Minh T25, Triệu Phước Â1, Châu Văn O, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11 phạm tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Đặng Minh N 06 năm 06 tháng tù, Nguyễn Minh T 05 năm 06 tháng tù, Nguyễn Thành N1 05 năm 03 tháng tù, Lê Quốc B 05 năm 03 tháng tù, Phạm Hồ Huy C1 05 năm 03 tháng tù, Nguyễn Trung N2 01 năm 06 tháng tù, Nguyễn Hoàng N3 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”; bị cáo Võ Văn B1 01 năm 09 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và 03 năm 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; các bị cáo Nguyễn Ngọc G2 03 năm 06 tháng tù, Nguyễn Thị Mỹ L 02 năm 07 tháng tù, Bùi Thanh H7 03 năm 03 tháng tù, Hà Thị Kim P5 03 năm 03 tháng tù, Nguyễn Thị N6 03 năm 03 tháng tù, Võ Kim H8 03 năm 03 tháng tù, Võ Văn H5 02 năm 07 tháng tù, Võ Thị T9 03 năm 03 tháng tù, Lê Thị Ngọc T10 03 năm 03 tháng tù, Trần Thị Ngọc B4 03 năm tù, Phan Thị L2 03 năm tù, Nguyễn Thị T12 03 năm tù, Trần Thị Ngọc H15 03 năm tù, Dương Thanh L4 03 năm tù, Thạch Thị Thanh T15 03 năm tù, Nguyễn Thị Thu H16 03 năm tù, Võ Thị Bé T18 03 năm tù, Dương Ngọc H18 03 năm tù, Nguyễn Thị Thanh T19 03 năm tù, Nguyễn Thị Thanh L5 03 năm tù, Đào Thị Thu T21 03 năm tù, Triệu Thị H20 03 năm tù, Nguyễn Tuấn D2 03 năm tù, Đặng Thị T24 03 năm tù, Lê Văn V1 03 năm tù, Lê Minh T25 03 năm tù, Triệu Phước Â1 03 năm tù, Châu Văn O 03 năm tù, Lê Ngọc Y 03 năm tù, Nguyễn Văn N12 03 năm tù, Huỳnh Quốc L11 03 năm tù về tội “*Đánh bạc*” là phù hợp; kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Các bị cáo Đặng Minh N, Nguyễn Minh T, Nguyễn Trung N2, Võ Văn B1, Nguyễn Hoàng N3, Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Thị T9, Trần Thị Ngọc B4, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Lê Văn V1, Lê Minh T25, Triệu Phước Â1, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12 không tranh luận.

- Các bị cáo Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Tuấn D2 tranh luận: Yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị cáo Lê Thị Ngọc T10, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Triệu Thị H20, Huỳnh Quốc L11 tranh luận: Yêu cầu được hưởng án treo.

- Các bị cáo Võ Văn H5, Phan Thị L2, Đặng Thị T24, Châu Văn O tranh luận: Yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng N3 tranh luận:

Đồng ý về tội danh của bị cáo Nguyễn Hoàng N3 nên không tranh luận về tội danh. Về hình phạt; xét thấy bị cáo Nguyễn Hoàng N3 là lao động chính trong gia đình, nuôi mẹ và bà ngoại, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đã thể hiện sự ăn năn hối cải, là đồng phạm giản đơn, chưa được hưởng tiền thu lợi bất chính, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, có nơi cư trú ổn định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo Nguyễn Hoàng N3 được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H18 tranh luận: Bị cáo Dương Ngọc H18 từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; bị cáo mới tham gia đánh bạc lần đầu cùng với bị cáo B4, bị cáo mượn bị cáo B4 số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc 2.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng bị mất; bị cáo là mẹ đơn thân, nuôi 02 con đang đi học, bị bệnh tim mạch, tai biến, cơn đau thắt ngực không ổn định. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo Dương Ngọc H18 được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 và Lê Quốc B tranh luận: Đồng ý về tội danh “Tổ chức đánh bạc” đối với các bị cáo Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 và Lê Quốc B như quan điểm của Kiểm sát viên. Tuy nhiên không đồng ý xét xử các bị cáo C1, Thành N1 và B theo điểm b khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự vì không có cơ sở kết luận 03 bị cáo này đồng phạm với bị cáo Đặng Minh N đối với số tiền N thu lợi bất chính 194.000.000 đồng. Ngoài ra; cần áp dụng khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự để phân hóa tội phạm đối với các bị cáo; cần xem xét Án lệ số 17 năm 2018 để xác định vai trò, tình tiết định khung, mức độ hành vi của các bị cáo. Mặt khác; Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 339/QĐ-VKS-P7 ngày 08/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là có căn cứ, việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 339 là bất lợi cho các bị cáo. Từ trước đến nay các bị cáo chưa phạm tội lần nào, lần phạm tội này với vai trò thứ yếu, không đáng kể nên cần áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Sau khi được tại ngoại các bị cáo chỉ thú làm ăn, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức giáo dục các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018 và Nghị quyết số 01/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xét xử đối với các bị cáo Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 và Lê Quốc B.

- Các bị cáo nói lời sau cùng:

+ Bị cáo Đặng Minh N: Xin được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

+ Các bị cáo Nguyễn Hoàng N3, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5,

Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Nguyễn Tuấn D2, Lê Minh T25, Châu Văn O: Xin được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

+ Bị cáo Nguyễn Trung N2: Xin được giảm nhẹ hình phạt, được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

+ Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Thành N1, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Võ Văn B1, Nguyễn Ngọc G2, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Võ Thị T9, Trần Thị Ngọc H15, Lê Văn V1, Triệu Phước Á1, Nguyễn Văn N12: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

+ Các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Nguyễn Thị Thanh T19, Triệu Thị H20, Đặng Thị T24, Lê Ngọc Y, Huỳnh Quốc L11: Xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quyết định rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 361/QĐ-VKS-P7 ngày 25/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự và xem như vụ án này không có kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo Dương Ngọc H18 có mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng sau đó do tình trạng sức khỏe nên bị cáo H18 đi bệnh viện cấp cứu và có đơn xin xét xử phúc thẩm vắng mặt, việc bị cáo H18 có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo H18 theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo Võ Văn B1 có đơn xin hoãn việc giải quyết vụ án (bị cáo B1 nộp đơn vào phiên xét xử buổi chiều ngày 30/10/2023, nhưng đơn không đề ngày tháng năm) nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận; Luật sư Phạm Thanh V2 có đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 26/10/2023 nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận; các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Từ tháng 4/2022, Đặng Minh N cùng đồng phạm thuê khu đất vườn của Trương Thị B8 ở ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre để tổ chức đánh bạc dưới hình thức đá gà thì được B8 đồng ý, khoảng 22 ngày thì nghỉ do tiền thu không

đủ chi phí; thời gian này N thuê, phân công Nguyễn Minh T phục vụ ăn uống cho những người đánh bạc, đưa cho T khoảng 4.000.000 đồng để mua sắm các vật dụng phục vụ cho việc tổ chức đánh bạc, thuê Nguyễn Minh T và Lê Quốc B làm nhiệm vụ cảnh giới, chỉ dẫn người tham gia đánh bạc vào sòng bạc. Đến ngày 08-7-2022, N mở lại sòng bạc dưới hình thức đá gà và lắc tài xỉu; N thuê, phân công Nguyễn Minh T phục vụ ăn uống cho những người đánh bạc, đưa cho T khoảng 4.000.000 đồng để mua sắm các vật dụng phục vụ cho việc tổ chức đánh bạc; N thuê, phân công Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 làm nhiệm vụ cảnh giới, hướng dẫn con bạc vào sòng bạc; N trả công cho T, B, C1, Thành N1 mỗi người 300.000 đồng/ngày, trả tiền thuê địa điểm cho B8 300.000 đồng/ngày; N làm biện gà, thu 5% trên tổng số tiền cược; ai muốn làm cái lắc tài xỉu thì thoả thuận với N để lắc, tiền “bảo” thì N và người làm cái lắc tài xỉu chia theo tỷ lệ 50-50. Vào ngày 10-8-2022, N đã tổ chức đá gà xong 04 trận, thu lợi khoảng 2.000.000 đồng; sau đó, Võ Văn B1 bỏ ra số tiền 40.000.000 đồng làm cái lắc tài xỉu, Nguyễn Trung N2 và Nguyễn Hoàng N3 là người giúp B1 thu chi tiền thắng thua với những người đánh bạc, N2 và Hoàng N3 được B1 trả công 200.000 đồng/1 lần “bảo”; những người tham gia đánh bạc đem theo số tiền để đánh bạc, gồm: Nguyễn Ngọc G2 70.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ L 32.000.000 đồng, Bùi Thanh H7 18.000.000 đồng, Hà Thị Kim P5 18.000.000 đồng, Nguyễn Thị N6 16.610.000 đồng, Võ Kim H8 15.000.000 đồng, Võ Văn H5 10.000.000 đồng, Võ Thị T9 10.000.000 đồng, Lê Thị Ngọc T10 10.000.000 đồng, Trần Thị Ngọc B4 8.800.000 đồng, Phan Thị L2 5.500.000 đồng, Nguyễn Thị T12 5.000.000 đồng, Trần Thị Ngọc H15 5.000.000 đồng, Dương Thanh L4 5.000.000 đồng, Thạch Thị Thanh T15 4.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu H16 3.500.000 đồng, Võ Thị Bé T18 3.500.000 đồng, Dương Ngọc H18 3.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh T19 3.400.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh L5 3.000.000 đồng, Đào Thị Thu T21 3.000.000 đồng, Triệu Thị H20 2.400.000 đồng, Nguyễn Tuấn D2 2.000.000 đồng, Đặng Thị T24 1.800.000 đồng, Lê Văn V1 1.670.000 đồng, Lê Minh T25 1.500.000 đồng, Triệu Phước Á1 1.570.000 đồng, Châu Văn Ở 1.500.000 đồng, Lê Ngọc Y 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn N12 600.000 đồng, Huỳnh Quốc L11 230.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc đang tổ chức đánh bạc và đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C10 bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền **229.040.000** đồng và trên người của những người đánh bạc số tiền **214.532.000** đồng. Số tiền thu lợi bất chính cụ thể như sau: Nhựt 194.000.000 đồng. T giúp N thu lợi bất chính 194.000.000 đồng, T trực tiếp hưởng lợi 16.500.000 đồng. B giúp N thu lợi bất chính 194.000.000 đồng, B trực tiếp hưởng lợi 16.200.000 đồng. Chương giúp N thu lợi bất chính 180.000.000 đồng, C1 trực tiếp hưởng lợi 9.000.000 đồng. Thành Nam giúp N thu lợi bất chính 180.000.000 đồng, Thành N1 trực tiếp hưởng lợi 9.000.000 đồng. Trương Thị B8 9.000.000 đồng. Võ Văn B1,

Nguyễn Trung N2, Nguyễn Hoàng N3 giúp sức cho N tổ chức đánh bạc vào ngày 10-8-2022. Tổng số tiền Võ Văn B1, Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Văn V1, Lê Minh T25, Triệu Phước Â1, Châu Văn Ở, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11 dùng vào việc đánh bạc vào ngày 10-8-2022 là: **229.040.000 đồng + 214.500.000 đồng = 443.540.000 đồng**.

[3] Về tội danh: Các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc trái phép dưới hình thức đá gà và lắc tài xỉu được thua bằng tiền; trong đó: Các bị cáo Đặng Minh N, Nguyễn Minh T, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 tổ chức đánh bạc với số tiền thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên. Bị cáo Võ Văn B1 tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên, đồng thời Võ Văn B1 còn tham gia đánh bạc với số tiền đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên. Các bị cáo Nguyễn Trung N2, Nguyễn Hoàng N3 đồng phạm với bị cáo Võ Văn B1 tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên. Các bị cáo Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Văn V1, Lê Minh T25, Triệu Phước Â1, Châu Văn Ở, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11 cùng tham gia đánh bạc với số tiền đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, số tiền thu lợi bất chính, số tiền dùng vào việc đánh bạc trái phép và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Đặng Minh N, Nguyễn Minh T, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Văn B1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự và phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Trung N2, Nguyễn Hoàng N3 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Ngọc G2,

Nguyễn Thị Mỹ L, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Văn V1, Lê Minh T25, Triệu Phước Á1, Châu Văn O, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11 phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Văn B1 yêu cầu được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, thấy rằng: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo Võ Văn B1 có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội đánh bạc. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo *có chú ruột, anh ruột tham gia chiến trường bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, bị cáo sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú* quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo sau khi được sự đồng ý của bị cáo N đã mở tụ điểm lặt tài xỉu và là người trực tiếp ăn thua với các con bạc, bị cáo giữ vai trò giúp sức tích cực trong việc tổ chức đánh bạc, bị cáo là người lặt cái và thuê bị cáo N2, bị cáo Hoàng N3 làm vĩ (là người thu và chung tiền của người chơi) cho bị cáo; đã xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 03 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”; tại cấp phúc thẩm bị cáo cho rằng bản thân là lao động chính trong gia đình để yêu cầu được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo B1 có nhân thân không tốt, cùng lúc phạm nhiều tội, có vai trò tích cực trong việc thực hiện tội phạm; xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo B1 có căn cứ và đúng pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo B1.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng N3 yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo với vai trò là người giúp sức làm vĩ (là người thu và chung tiền của người chơi) cho bị cáo B1 và chưa thu lợi bất chính nên có vai trò thấp hơn so với bị cáo B1; đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu, phạm tội với vai trò giúp sức, chưa thu lợi bất chính, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo sống chung với mẹ, chưa có vợ con, không rõ nơi cư trú của cha, thuộc diện hộ cận nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng. Ủy ban nhân dân xã T xác nhận bị cáo hiện tại gia đình rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ với bà ngoại tuổi cao sức khỏe yếu, từ trước đến nay bị cáo sinh sống ổn định tại địa phương, có chỗ ở và làm việc ổn định tại ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Công an xã T xác nhận bị cáo ngoài lần vi phạm bị Tòa án nhân dân thành phố B xét xử thì từ trước đến nay vẫn chấp hành pháp luật tốt, không vi phạm pháp luật gì tại địa phương, không có tiền án, tiền sự gì thêm, hoàn cảnh hiện tại gia đình rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình, hiện nuôi mẹ với bà ngoại tuổi cao sức khỏe yếu. Do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo luật định cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo Đặng Minh N, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Văn V1, Nguyễn Trung N2, Bùi Thanh H7, Võ Kim H8, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Võ Thị Bé T18, Lê Ngọc Y, Huỳnh Quốc L11 *yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền*; các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Hoàng N3, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Văn H5, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Minh T25, Triệu Phước Á1, Châu Văn O, Nguyễn Văn *yêu c giảm nhẹ hình phạt và*

được hưởng án treo; thấy rằng: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như:

Bị cáo Đặng Minh N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất*”; “*đã nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính; bị cáo có con nhỏ và là lao động chính trong gia đình; có nhiều đóng góp cho địa phương trong việc hỗ trợ tặng quà cho người nghèo, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam được chính quyền địa phương tặng nhiều giấy khen; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B tặng Bằng khen*” quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo với vai trò là người chỉ huy, cầm đầu, giữ vai trò cao nhất; bị cáo trực tiếp tổ chức, sắp xếp, giao nhiệm vụ cho các bị cáo khác thực hiện theo sự phân công của bị cáo, đồng thời bị cáo là người thu lợi nhiều nhất từ việc tổ chức đánh bạc với số tiền là 194.000.000 đồng, do đó hình phạt đối với bị cáo là cao nhất so với các bị cáo khác; đã xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo đã ly hôn với vợ, là lao động chính, nuôi con nhỏ và mẹ già bị bệnh; gia đình có người thân có công với đất nước như ông Đặng Văn T33 là liệt sĩ, ông Đặng Văn S3 (H) được tặng Giấy khen, Bảng gia đình về vang Đặng Hoàng T34 - Nguyễn Thị S4; bản thân bị cáo nhiều lần được tặng T35 cảm ơn, Giấy khen vì có đóng góp tặng quà cho hộ nghèo, nạn nhân chất độc da cam để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Nguyễn Minh T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*bị cáo phải nuôi con nhỏ, đã nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo với vai trò là người giúp sức tích cực cho bị cáo N trong việc mua dụng cụ tổ chức đánh bạc, cảnh giới, dẫn khách vào sòng bạc đồng thời bị cáo giới thiệu, thuê người và trả tiền công cho B, C1, Thành N1 cùng tham gia tổ chức đánh bạc, số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 16.500.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Lê Quốc B có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị

cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*đã nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo với vai trò là người giúp sức cho bị cáo N trong việc dẫn khách vào sòng bạc, cảnh giới lực lượng chức năng để sòng bạc hoạt động, trông giữ xe, hướng dẫn người đánh bạc vào sòng bạc, số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 16.200.000 đồng; mức độ, vai trò của bị cáo là thấp hơn so với bị cáo T; đã xử phạt bị cáo 05 năm 03 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Nguyễn Thành N1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*đã nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo với vai trò là người giúp sức cho bị cáo N trong việc cảnh giới, dẫn khách vào sòng bạc, cảnh giới lực lượng chức năng để sòng bạc hoạt động, trông giữ xe, hướng dẫn người đánh bạc vào sòng bạc, số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 16.200.000 đồng; tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo là tương đương với bị cáo B; đã xử phạt bị cáo 05 năm 03 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Phạm Hồ Huy C1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*có cha được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, Huân chương chiến công hạng Nhất; bác ruột là Liệt sĩ; bà ngoại được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và đã nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo với vai trò là người giúp sức cho bị cáo N trong việc cảnh giới, dẫn khách vào sòng bạc, cảnh giới lực lượng chức năng để sòng bạc hoạt động, trông giữ xe, hướng dẫn người đánh bạc vào sòng bạc, số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 9.000.000 đồng; tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo là tương đương với bị cáo B; đã xử phạt bị cáo 05 năm 03 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Nguyễn Trung N2 có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản và tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*có bà nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo đang phải nuôi con nhỏ*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo với vai trò là người

giúp sức làm vĩ (là người thu và chung tiền của người chơi) cho bị cáo B1 và chưa thu lợi bất chính nên có vai trò thấp hơn so với bị cáo B1; đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Nguyễn Ngọc G2 có nhân thân xấu, bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; ngày 22/02/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre kết án về tội đánh bạc. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*có bà nội được truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bác ruột và chú ruột là Liệt sĩ*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc 70.000.000 đồng là nhiều nhất so với các bị cáo khác; đã xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*; “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*”; “*có con còn nhỏ*” quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 32.000.000 đồng. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần thiết áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định; đã xử phạt bị cáo 02 năm 07 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Bùi Thanh H7 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 18.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Hà Thị Kim P5 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” “*Phải nuôi con nhỏ còn đi học*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 18.000.000 đồng; đã xử phạt bị

cáo 03 năm 03 tháng tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo không có đi khỏi địa phương, có nhân thân tốt, từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật, hiện nuôi con nhỏ đang tuổi đi học để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Nguyễn Thị N6 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*có bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam anh hùng*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 16.610.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù. Tại cấp phúc thẩm; bị cáo cung cấp Phiếu siêu âm ngày 27/7/2023 chẩn đoán bị bệnh phụ nữ để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Võ Kim H8 có nhân thân xấu, bị cáo không có tiền án nhưng có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*có bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam anh hùng*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 15.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo thời gian qua không có đi khỏi địa phương, có nhân thân tốt, từ trước đến nay chưa có tiền sự, là mẹ đơn thân nuôi 02 con nhỏ đang học lớp 9 và lớp 5, là lao động chính trong gia đình, kinh tế khó khăn, đang trả nợ Ngân hàng mỗi tháng để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Võ Văn H5 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*Con Liệt sĩ*”, “*bà ngoại là thương binh hạng 2/4, cậu ruột được Nhà nước tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba và Huy chương chiến công hạng 3, chú ruột được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba*” quy định tại điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần thiết áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 10.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 02 năm 07 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết

giảm nhẹ mới;

Bị cáo Võ Thị T9 có nhân thân xấu, bị cáo không có tiền án nhưng có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*; “*có ông nội được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 10.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh xác nhận bị cáo không có đi khỏi nơi cư trú, chưa có tiền án, tiền sự, nuôi 02 con nhỏ tuổi ăn học và mẹ già, chồng đi làm ăn xa; gia đình có ông Nguyễn Văn N13 (là anh ruột của ông ngoại bị cáo) là liệt sĩ, có bà Võ Thị C9 (là chị của ông nội bị cáo) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, có bà Nguyễn Thị K3 (là em ruột của ông ngoại bị cáo) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Lê Thị Ngọc T10 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*Phải nuôi con nhỏ còn đi học*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 10.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định, luôn chấp hành chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, không vi phạm điều cấm của pháp luật, chưa bị kết án, chưa bị xử lý kỷ luật, đang nuôi mẹ cùng dì ruột không có khả năng lao động, có 02 con đi học, là lao động chính trong gia đình để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Trần Thị Ngọc B4 có nhân thân xấu, không có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, có bà ngoại được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 8.800.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh xác nhận bị cáo không đi khỏi nơi cư trú, chưa có tiền án, tiền sự, nuôi 03 con ăn học, phiếu kết quả siêu âm thai ngày 09/10/2023 bị cáo đang mang thai; gia đình có bà Trần Thị N14 (là bà cố của bị cáo) là Bà mẹ Việt Nam anh

hùng, có bà Đỗ Thị T36 (là bà ngoại của bị cáo) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Phan Thị L2 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 5.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Xác nhận của Ban N17, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi 03 con, gặp nhiều khó khăn, bản thân đôi mắt bị đục thủy tinh thể, là mẹ đơn thân, không biết chữ, làm thuê sinh sống để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Nguyễn Thị T12 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*gia đình có đóng góp cho xã hội*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 5.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an và Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có con ủng hộ gia đình nghèo được tặng Giấy khen để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Trần Thị Ngọc H15 có nhân thân xấu, không có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*có cha ruột được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 5.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn thuốc chẩn đoán rối loạn lo âu, rối loạn thần kinh tự trị; Đơn xác nhận của Công an thành phố M, tỉnh Tiền Giang xác nhận bị cáo gia đình đơn chiếc, là lao động chính trong gia đình, có mẹ lớn tuổi thường xuyên ốm đau để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Dương Thanh L4 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*cha ruột là bệnh binh, mẹ được tặng thưởng Huân chương chiến công Hạng N15,*

chú ruột là Liệt sĩ, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 5.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo không đi khỏi địa phương, có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, là lao động chính trong gia đình, hiện tại bị đứt gân chân đi lại khó khăn, nuôi mẹ già sinh năm 1941, gia đình đơn chiếc đề yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Thạch Thị Thanh T15 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*; có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, có ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 4.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh xác nhận bị cáo không đi khỏi địa phương, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, nuôi 02 con 13 tuổi và 02 tuổi, thường xuyên đau bệnh, chồng đi làm thuê, gia đình khó khăn; gia đình có bác ruột là Thạch L12 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hàng nhì, có bác ruột là Thạch S5 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hàng ba, có cô ruột là Thạch Thị S6 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hàng nhì, có cha là Thạch B5 được tặng thưởng K4 niệm chương đề yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Nguyễn Thị Thu H16 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 3.500.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bị cáo không đi khỏi địa phương, có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật đề yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Võ Thị Bé T18 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 3.500.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo

cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh xác nhận bị cáo không đi khỏi nơi cư trú, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Dương Ngọc H18 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*có bác ruột là Liệt sĩ*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 3.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh xác nhận bị cáo không đi khỏi địa phương, có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, mẹ đơn thân nuôi 02 con nhỏ đang đi học, bị bệnh tim, là lao động chính trong gia đình, sức khỏe kém, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ngặt nghèo; Giấy ra viện ngày 28/3//2023 chẩn đoán suy tim EF cải thiện/BCTDN-Nhanh nhĩ 2:1 để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T19 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; *có ông ngoại, chú ruột là Liệt sĩ; cha ruột là thương binh hạng 2/4* quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 3.400.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm; bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo không đi khỏi địa phương, có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, nuôi mẹ già bị bệnh để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh L5 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*Phải nuôi con nhỏ còn đi học*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 3.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo không đi khỏi địa phương, có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, là lao động chính nuôi con nhỏ đang đi học để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Đào Thị Thu T21 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”;

“*Phải nuôi con nhỏ còn đi học*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 3.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận bị cáo có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, là mẹ đơn thân nuôi 02 con nhỏ đang đi học và nuôi mẹ già để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Triệu Thị H20 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*bị cáo đang điều trị bệnh nhồi máu não*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 2.400.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo gia đình khó khăn, có triệu chứng bệnh về não, tai biến liệt nửa thân người, không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi đăng ký thường trú rõ ràng để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Nguyễn Tuấn D2 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 2.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới như bị bệnh trĩ độ II, các viêm khớp khác để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Đặng Thị T24 có nhân thân xấu, không có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*Phải nuôi con nhỏ còn đi học*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 1.800.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an P7, thành phố B, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo đều ở địa phương, có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, không vi phạm điều cấm của pháp luật, chưa bị kết án, chưa bị xử lý kỷ luật, nuôi mẹ già 79 tuổi, nuôi 01 con đang đi học, là lao động

chính trong gia đình để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Lê Văn V1 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 1.670.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Lê Minh T25 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 1.500.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo không đi khỏi địa phương, có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, cha mẹ chết sớm, sống một mình để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Triệu Phước Á1 có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã nhiều lần bị kết án về các tội liên quan đến chiếm đoạt tài sản và ma túy. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*có bà nội được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 1.570.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Châu Văn Ổ có nhân thân xấu, không có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*có cậu ruột là Liệt sĩ, có con còn nhỏ*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lắc cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 1.500.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính, có 02 con nhỏ, vợ không có việc làm ổn định, có thân nhân là liệt sĩ Phan Văn S7 để yêu cầu giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Lê Ngọc Y có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*bị cáo đang nuôi con nhỏ*” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 1.000.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xác nhận của Công an xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre xác nhận bị cáo không đi khỏi địa phương, có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Nguyễn Văn N12 có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội đánh bạc, bị cáo cũng đã từng bị kết án về tội đánh bạc. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 600.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới;

Bị cáo Huỳnh Quốc L11 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng: *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; *có con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình* quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo với vai trò là người thực hành tham gia chơi đánh bạc do bị cáo B1 là người lác cái. Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 230.000 đồng; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo bổ sung tình tiết giảm nhẹ được Ủy ban nhân dân xã M tặng Giấy khen vì hoàn thành tốt công tác tuyên chọn gọi công dân nhập ngũ năm 2009 để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Các bị cáo Đặng Minh N, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Minh T phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; các bị cáo Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Văn V1, Nguyễn Trung N2, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Minh T25, Triệu Phước Â1, Châu Văn Ở, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11 phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Trong đó: Bị cáo N là người đứng ra tổ chức, lôi kéo nhiều người ở nhiều địa phương khác nhau đến sòng bạc của N để tham

gia đánh bạc. Các bị cáo Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Minh T là những người giúp sức tích cực cho bị cáo N trong việc tổ chức đánh bạc; riêng bị cáo Nguyễn Trung N2 giúp sức tích cực cho bị cáo Võ Văn B1 trong việc tổ chức đánh bạc. Các bị cáo Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Văn V1, Nguyễn Trung N2, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Minh T25, Triệu Phước Á1, Châu Văn O, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11 trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với bị cáo Võ Văn B1 với tổng số tiền được xác định dùng vào việc đánh bạc trái phép là 443.540.000 đồng. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, mục đích nhằm sát phạt với nhau để thu lợi bất chính; các bị cáo tụ tập đông người để đánh bạc, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương nơi các bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội cũng như các loại tội phạm khác. Các bị cáo N, T, B, Thành N1, C1 phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Á1, N12 có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhân thân xấu như: bị cáo B1 từng bị kết án về *tội đánh bạc*; bị cáo N2 từng bị kết án về *tội trộm cắp tài sản* và *tội tàng trữ trái phép chất ma túy*; bị cáo G2 từng bị xử phạt vi phạm hành chính về *hành vi đánh bạc*, từng bị kết án về *tội đánh bạc*; bị cáo H8 có tiền sự về *hành vi đánh bạc*; bị cáo T9 có tiền sự về *hành vi đánh bạc*; bị cáo Ngọc B4 từng bị xử phạt vi phạm hành chính về *hành vi đánh bạc*; bị cáo H15 từng bị xử phạt vi phạm hành chính về *hành vi đánh bạc*; bị cáo T24 từng bị xử phạt vi phạm hành chính về *hành vi đánh bạc*; bị cáo Á1 có 01 tiền án về *tội trộm cắp tài sản*, nhiều lần bị kết án về *các tội liên quan đến chiếm đoạt tài sản* và *ma túy*; bị cáo O từng bị xử phạt vi phạm hành chính về *hành vi đánh bạc*; bị cáo N12 có 01 tiền án về *tội đánh bạc*, từng bị kết án về *tội đánh bạc*. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, đã áp dụng mức hình phạt đối với từng bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và hậu quả mà các bị cáo gây ra. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên

Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Riêng đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N3 là có phần chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[8] Quan điểm của người bào chữa:

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng N3 đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H18 đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành N1, Lê Quốc B và Phạm Hồ Huy C1 đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng N3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

- Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

- Các bị cáo Đặng Minh N, Nguyễn Minh T, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Trung N2, Nguyễn Hoàng N3 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”;

- Bị cáo Võ Văn B1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”;

- Các bị cáo Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Văn V1, Lê Minh T25, Triệu Phước Á1, Châu Văn O, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11 phạm tội “*Đánh bạc*”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hoàng N3; sửa Bản án sơ thẩm số: 62/2023/HS-ST ngày 11/8/2023

của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N3;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng N3** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 30/10/2023;

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng N3 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cùng gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo nếu đang trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.2. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Minh N, Nguyễn Minh T, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1, Võ Văn B1, Nguyễn Trung N2, Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Văn V1, Lê Minh T25, Triệu Phước Á1, Châu Văn Ở, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 62/2023/HS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đối với tất cả các bị cáo này;

1.2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Đặng Minh N** 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 06/3/2023.

1.2.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T 05** (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành N1 05** (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 07/3/2023.

1.2.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Quốc B 05** (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 07/3/2023.

1.2.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Phạm Hồ Huy C1 05** (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 07/3/2023.

1.2.6. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Văn B1 01** (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Văn B1 03** (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 27/9/2022 đến ngày 18/01/2023.

1.2.7. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung N2 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 18/01/2023.

1.2.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc G2** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ L** 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2.10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Bùi Thanh H7** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2023. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Hà Thị Kim P5** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N6** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 25/10/2022.

1.2.13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Kim H8** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Văn H5** 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Thị T9** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Thị Ngọc T10** 03 (ba)

năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.17. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Thị Ngọc B4** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.18. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Phan Thị L2** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.19. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T12** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.20. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Thị Ngọc H15** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.21. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Dương Thanh L4** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.22. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Thạch Thị Thanh T15** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.23. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu H16** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.24. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Võ Thị Bé T18** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.25. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Dương Ngọc H18** 03

(ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.26. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T19** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.27. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh L5** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.28 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Đào Thị Thu T21** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.29. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Triệu Thị H20** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.30. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn D2** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.31. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Đặng Thị T24** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.32. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Văn V1** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.33. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Minh T25** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.34. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo

Triệu Phước Á1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.35. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Châu Văn Ổ** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

1.2.36. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Ngọc Y** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.37. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N12** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

1.2.38. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Huỳnh Quốc L11** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Thời hạn tù được khấu trừ vào thời gian tạm giam kể từ ngày 11/8/2022 đến ngày 04/01/2023.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Bị cáo Nguyễn Hoàng N3 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Đặng Minh N, Nguyễn Minh T, Lê Quốc B, Phạm Hồ Huy C1, Nguyễn Thành N1, Võ Văn B1, Nguyễn Trung N2, Nguyễn Ngọc G2, Nguyễn Thị Mỹ L, Bùi Thanh H7, Hà Thị Kim P5, Nguyễn Thị N6, Võ Kim H8, Võ Văn H5, Võ Thị T9, Lê Thị Ngọc T10, Trần Thị Ngọc B4, Phan Thị L2, Nguyễn Thị T12, Trần Thị Ngọc H15, Dương Thanh L4, Thạch Thị Thanh T15, Nguyễn Thị Thu H16, Võ Thị Bé T18, Dương Ngọc H18, Nguyễn Thị Thanh T19, Nguyễn Thị Thanh L5, Đào Thị Thu T21, Triệu Thị H20, Nguyễn Tuấn D2, Đặng Thị T24, Lê Văn V1, Lê Minh T25, Triệu Phước Á1, Châu Văn Ổ, Lê Ngọc Y, Nguyễn Văn N12, Huỳnh Quốc L11 mỗi bị cáo phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (117b);
- VKSND thành phố B (1b);
- Công an thành phố B (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- Các bị cáo (39b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông